

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: thực tiễn và giải pháp đổi mới hình thức đào tạo trực tuyến ngành báo chí – truyền thông tại Việt Nam

Vũ Thị Việt Nga

Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
vtvnga@ntt.edu.vn

Tóm tắt

Nghiên cứu đánh giá, đề xuất về thực trạng và các giải pháp đổi mới hình thức đào tạo trực tuyến ngành báo chí – truyền thông tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số. Nghiên cứu chỉ ra sự dịch chuyển từ mô hình đào tạo truyền thống sang hệ sinh thái giáo dục số, nhấn mạnh vai trò của học tập kết hợp và cá nhân hóa lộ trình học tập nhờ trí tuệ nhân tạo. Các điểm sáng nổi bật bao gồm việc chuẩn hóa quy trình qua hệ thống quản lý học tập chuyên nghiệp và ứng dụng tòa soạn hội tụ mô phỏng trên điện toán đám mây. Tuy nhiên, quá trình này vẫn đối mặt với những điểm nghẽn về hạ tầng công nghệ, an ninh mạng và đặc biệt là năng lực số của đội ngũ giảng viên lẫn sinh viên. Cuối cùng, nghiên cứu đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ như hoàn thiện hành lang pháp lý, nâng cao năng lực số và thắt chặt kết nối giữa nhà trường và cơ quan báo chí. Đây không chỉ là sự thích ứng công nghệ mà là cuộc cách mạng về tư duy để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho thời đại 4.0.

Nhận 20/01/2026
Được duyệt 07/05/2026
Công bố 28/06/2026

Từ khóa

Chuyển đổi số;
đào tạo trực tuyến;
báo chí – truyền thông;
học tập kết hợp;
tòa soạn hội tụ.

© 2026 Journal of Science and Technology - NTTU

1 Đặt vấn đề

Trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4, sự kết hợp giữa công nghệ số và các nền tảng vật lý đã tạo ra những thay đổi quan trọng trên phạm vi toàn cầu. Tại Việt Nam, giáo dục và báo chí – truyền thông (BC-TT) là hai lĩnh vực ưu tiên trong Chiến lược Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và điện toán đám mây (Cloud Computing) đang làm thay đổi phương thức vận hành và cấu trúc của hệ sinh thái BC-TT hiện đại. Theo đó, ngành BC-TT đang chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình hội tụ, đa phương tiện [1, 2]. Điều này đòi hỏi hệ thống nhân sự làm nghề phải làm chủ công cụ công nghệ và có tư

duy dữ liệu. Thực tiễn này tạo áp lực buộc các cơ sở đào tạo báo chí phải đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy.

2 Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu về đổi mới hình thức đào tạo BC-TT trong kỷ nguyên số dựa trên khung lý thuyết về chuyển đổi số giáo dục đại học. Chuyển đổi số không đơn thuần là việc áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy mà là quá trình thay đổi tổng thể về văn hóa tổ chức và phương thức truyền đạt tri thức. Trong đó, E-learning (học tập trực tuyến) được xem là giai đoạn đầu của quá trình này, tạo tiền đề cho việc chuyển đổi môi trường học tập từ truyền thống sang môi trường ảo [3, 4]. Hiện nay, các nghiên cứu tập trung nhiều



hơn vào mô hình Blended Learning (học tập kết hợp). Đây được xem là phương thức tối ưu hóa sự tương tác trực tiếp (Face-to-face) và sự linh hoạt của học tập trực tuyến. Mô hình này không phải là sự kết hợp đơn thuần giữa hai phương pháp mà là sự tích hợp có hệ thống để tạo ra một hệ sinh thái giáo dục số, lấy người học làm trung tâm, các nền tảng công nghệ đóng vai trò là hạ tầng kết nối, và giáo dục đào tạo được cấu trúc hóa theo hướng cá nhân hóa và tương tác đa chiều. Việc xây dựng hệ sinh thái này đặc biệt quan trọng đối với các ngành học mang tính thực hành cao như BC-TT, nơi mà tri thức luôn vận động và đòi hỏi sự kết nối liên tục với thực tiễn xã hội.

Trên bình diện quốc tế, các xu hướng đào tạo báo chí hiện đại đã thích ứng nhanh với sự thay đổi của công nghệ truyền thông, thể hiện rõ qua các công trình về báo chí dữ liệu hay ứng dụng AI trong quy trình sản xuất tin tức. Các nghiên cứu từ Columbia University hay University of Missouri khẳng định việc tích hợp các kỹ năng số là yêu cầu cốt lõi trong giảng dạy [8]. Chẳng hạn, mô hình tòa soạn mô phỏng dựa trên điện toán đám mây đã cho phép sinh viên thực hành tác nghiệp từ xa, phối hợp nhóm để sản xuất các sản phẩm đa phương tiện ngay trên các nền tảng quản trị nội dung trực tuyến. Xu hướng này cho thấy giáo dục báo chí thế giới đã chuyển sang giai đoạn đào tạo dựa trên năng lực thích ứng và thực hành trực tuyến thay vì chỉ truyền thụ lý thuyết một chiều.

Tại Việt Nam, vấn đề đào tạo BC-TT được nhiều nhà nghiên cứu và quản lý giáo dục quan tâm. Tác giả Nguyễn Thị Trường Giang [5] trong các công trình về báo chí đa phương tiện đã khẳng định yêu cầu cấp thiết của việc tái cấu trúc chương trình đào tạo để phù hợp với quy trình sản xuất nội dung số tại các tòa soạn hiện đại. Tương tự, khi xem xét về năng lực thực thi, tác giả Đặng Thị Thu Hằng [6] nhấn mạnh rằng chuyển đổi số trong đào tạo không đơn thuần là số hóa học liệu mà là quá trình xây dựng một hệ sinh thái học tập kết hợp, nơi kỹ năng số của cả giảng viên và người học đóng vai trò quyết định hiệu quả đào tạo. Mặc dù, các nghiên cứu của tác giả Nguyễn Tri Thức [3] hay Trần Quang Diệu [7] đã cung cấp cái nhìn thực tế vận hành cụ thể tại các lớp học

chuyên ngành nhưng vẫn còn những khoảng trống đáng kể. Các công trình hiện tại chủ yếu tập trung vào câu hỏi đào tạo nội dung gì để đáp ứng thị trường trong khi phương thức tổ chức thực hành nghiệp vụ trên không gian số lại chưa được nghiên cứu hệ thống. Cụ thể, việc ứng dụng các tòa soạn giả lập dựa trên nền tảng điện toán đám mây để mô phỏng quy trình tác nghiệp thực tế hay việc thiết lập các tiêu chí đánh giá năng lực sinh viên dựa trên dữ liệu từ hệ thống quản trị nội dung (Content Management System - CMS) vẫn là những vấn đề cần được luận giải chi tiết. Sự thiết hụt các minh chứng thực nghiệm về mô hình tương tác giữa nhà trường và tòa soạn trong môi trường ảo chính là cơ sở để nghiên cứu này tập trung phân tích và đề xuất các giải pháp đổi mới hình thức đào tạo BC-TT tại Việt Nam hiện nay

3 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận hỗn hợp, kết hợp linh hoạt giữa phân tích định tính và khảo sát định lượng. Đầu tiên, tác giả phân tích hệ thống tài liệu thứ cấp, bao gồm khung chương trình đào tạo, đề cương học phần và chiến lược chuyển đổi số tại các cơ sở đào tạo báo chí trọng điểm như Học viện Báo chí và Tuyên truyền (BC&TT); Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (KHXH&NV) – Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học KHXH&NV – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Việc đối soát các văn bản này nhằm nhận diện mức độ tương thích giữa quy định pháp lý và khả năng vận hành thực tế của hệ thống quản trị học tập (LMS) [6]. Tiếp theo, tác giả phỏng vấn sâu 8 chuyên gia là các nhà quản lý giáo dục và lãnh đạo cơ quan báo chí để làm rõ các hạn chế về hạ tầng và năng lực số mà các con số thống kê chưa thể hiện hết.

Về mặt định lượng, khảo sát được thực hiện qua bảng hỏi trực tuyến (thang đo Likert 5 mức độ) đối với 450 sinh viên ngành BC-TT tại ba cơ sở đào tạo trọng điểm bao gồm Học viện BC&TT, Trường Đại học KHXH&NV (Đại học Quốc gia Hà Nội) và Trường Đại học KHXH&NV (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh). Nhằm đảm bảo dữ liệu thu được phản

ánh đúng thực tiễn đổi mới, nghiên cứu tập trung vào những sinh viên đã hoàn thành ít nhất một học phần nghiệp vụ trên nền tảng số hoặc từng tham gia thực hành tại các tòa soạn giả lập.

Để đảm bảo tính đại diện và độ tin cậy khoa học cho một tổng thể lớn như sinh viên ngành BC-TT tại các cơ sở đào tạo trọng điểm, nghiên cứu áp dụng công thức (1) xác định cỡ mẫu ngẫu nhiên của Slovin (1960):

$$n = N / (1 + N * e^2) \quad (1)$$

Trong đó, n là cỡ mẫu cần thiết; N là quy mô tổng thể mục tiêu (ước tính khoảng 5 000 sinh viên thuộc diện khảo sát tại ba trường); và e là sai số cho phép, được ấn định ở mức toán học chuẩn là 0,05 (tương ứng độ tin cậy 95 %). Theo Công thức (1), cỡ mẫu tối thiểu theo lý thuyết cần đạt là 371 sinh viên. Thực tế, nghiên cứu đã thu thập và xử lý thành công 450 mẫu hợp lệ. Quy mô này không chỉ tối ưu hóa năng lực đại diện cho quần thể, giảm thiểu sai số do hao hụt phiếu, mà còn hoàn toàn vượt mức yêu cầu khắt khe của các kiểm định chuyên sâu như phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hệ số tin cậy Cronbach's *alpha* được thực hiện ở các bước tiếp theo.

Dữ liệu thu thập từ tháng 9/2025 đến tháng 1/2026 và được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0 thông qua kiểm định Cronbach's *alpha*, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và thống kê mô tả để đánh giá mức độ hài lòng cũng như hiệu quả tương tác của người học. Kết quả kiểm định Cronbach's *alpha* cho thấy, các thang đo về mức độ hài lòng và hiệu quả tương tác trên nền tảng số đều đạt hệ số tin cậy rất cao, dao động trong khoảng từ 0,82 đến 0,89, chứng minh các câu hỏi khảo sát có tính nhất quán. Bên cạnh đó, việc phân tích nhân tố khám phá (EFA) cũng cho thấy các biến quan sát tập trung rõ nét trong các nhóm nhân tố chính là hạ tầng công nghệ, năng lực số và sự tương tác. Với hệ số tải nhân tố của các biến đều đạt ở mức trên 0,5, mô hình nghiên cứu đã khẳng định được giá trị, tạo nền tảng vững chắc cho các kết quả thực nghiệm ở các phần tiếp theo.

Nghiên cứu áp dụng phương pháp tiếp cận hỗn hợp, kết hợp giữa nghiên cứu định tính và định lượng. Cách tiếp cận này giúp giải quyết tính chất phức tạp của đối tượng nghiên cứu, vốn chịu tác động đan xen

giữa các yếu tố kỹ thuật và đặc thù về nghiệp vụ báo chí. Sự kết hợp này cho phép tác giả vừa phân tích các nhận định chuyên sâu từ chuyên gia, vừa cung cấp các bằng chứng thống kê để đảm bảo tính khách quan và khả năng khái quát hóa cao các kết luận.

Tiến trình nghiên cứu bắt đầu bằng việc phân tích tài liệu để thiết lập khung lý thuyết và thực tiễn. Tác giả thực hiện rà soát khung chương trình đào tạo, đề cương học phần và chiến lược giáo dục số tại các cơ sở đào tạo báo chí trọng điểm như Học viện BC&TT, Trường Đại học KHXH&NV (Đại học Quốc gia Hà Nội) và Trường Đại học KHXH&NV (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh). Nội dung phân tích tập trung vào các quy định về chuẩn đầu ra, phương thức đánh giá trực tuyến và các văn bản hướng dẫn vận hành hệ thống quản trị học tập (LMS). Hoạt động này nhằm nhận diện sự tương thích giữa khung pháp lý với yêu cầu chuyên đổi số trên thực tế, đồng thời làm rõ cách thức quản lý cấu trúc hóa chương trình đào tạo báo chí trong môi trường số.

Sau bước phân tích văn bản, tác giả thực hiện phương pháp phỏng vấn sâu nhằm thu thập ý kiến từ các chuyên gia giáo dục, giảng viên và nhà quản lý tại tòa soạn. Nội dung phỏng vấn tập trung vào rào cản về hạ tầng công nghệ và năng lực số của đội ngũ kế cận. Những dữ liệu định tính này giúp lý giải thực trạng đào tạo trực tuyến tại Việt Nam và các hạn chế hiện nay về phương pháp giảng dạy cũng như tính tương tác sư phạm. Để bổ trợ cho các nhận định từ chuyên gia, nghiên cứu triển khai khảo sát bằng bảng hỏi với sinh viên ngành BC-TT. Phương pháp này nhằm định lượng mức độ hài lòng và hiệu quả học tập thực tế trên các nền tảng trực tuyến. Kết quả khảo sát cung cấp dữ liệu về hành vi và thái độ của người học đối với các mô hình tòa soạn ảo hay học tập kết hợp. Việc phân tích tài liệu, ý kiến chuyên gia và số liệu khảo sát sinh viên cho phép đối chiếu dữ liệu từ nhiều nguồn, đảm bảo tính khách quan và làm cơ sở cho các đề xuất giải pháp ở nội dung tiếp theo.

4 Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1 Thực trạng các hình thức đào tạo trực tuyến BC-TT tại Việt Nam hiện nay



Kết quả khảo sát tại Học viện BC&TT, Trường Đại học KHXH&NV (Đại học Quốc gia Hà Nội), Trường Đại học KHXH&NV (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) cho thấy xu hướng thay đổi trong cấu trúc vận hành của các mô hình đào tạo trực tuyến. Khác với giai đoạn trước khi việc đào tạo chỉ dừng lại ở các lớp học đồng bộ qua Zoom hay Microsoft Teams, hiện nay các cơ sở giáo dục đại học đã chuẩn hóa quy trình thông qua hệ thống LMS như Moodle

hay Canvas. Hệ thống LMS không chỉ lưu trữ học liệu mà còn hỗ trợ quản lý tiến độ, tương tác không đồng bộ và đánh giá năng lực dựa trên dữ liệu thời gian thực. Sự thay đổi này cho thấy quá trình dịch chuyển từ mô hình đào tạo từ xa truyền thống sang mô hình giáo dục số chính quy, chú trọng chất lượng đầu ra. Thay vì chỉ sử dụng các công cụ hội thảo trực tuyến đơn thuần như giai đoạn trước, sinh viên hiện nay đã tiếp cận sâu hơn với các hệ thống LMS chuyên nghiệp.

Bảng 1 Tần suất sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến (n = 450)

| Nền tảng | Thường xuyên (%) | Thỉnh thoảng (%) | Hiếm khi (%) |
|--------------------------------|------------------|------------------|--------------|
| Hệ thống LMS (Moodle, Canvas) | 78,2 | 15,6 | 6,2 |
| Công cụ hội thảo (Zoom, Teams) | 42,4 | 45,8 | 11,8 |
| Nền tảng tòa soạn giả lập | 31,5 | 38,2 | 30,3 |

Kết quả khảo sát thực tế tại ba cơ sở đào tạo báo chí trọng điểm cho thấy sự thay đổi trong phương thức tiếp cận giáo dục số của sinh viên. Thay vì sử dụng các công cụ hội thảo trực tuyến mang tính ứng phó, dữ liệu ghi nhận sự phổ biến của các LMS với tỷ lệ sử dụng thường xuyên là 78,2 %. Con số này cho thấy, lộ trình học tập đã được hệ thống hóa theo mô hình giáo dục số chính quy, thay thế dần cho các buổi học đồng bộ trên Zoom hay Microsoft Teams vốn chỉ đạt mức 42,4 %. Thực tế này phản ánh việc người học chuyển sang ưu tiên việc khai thác học liệu và tương tác không đồng bộ. Tuy nhiên, một hạn chế đáng lưu ý là tỷ lệ sử dụng các tòa soạn giả lập chỉ đạt 31,5 %, trong khi 30,3 % sinh viên hiếm khi tiếp cận với các công cụ này. Sự chênh lệch giữa năng lực quản trị học tập và khả năng số hóa thực hành nghiệp vụ cho thấy, hạ tầng công nghệ mô phỏng chuyên sâu chưa tương xứng với tốc độ phổ biến của các nền tảng quản lý chung. Vì vậy, việc đổi mới giáo dục báo chí cần tập trung vào số hóa đồng bộ các quy trình tác nghiệp giả lập để đáp ứng yêu cầu thực tế của thị trường lao động. Đồng thời, các chương trình đào tạo ngắn hạn và chứng chỉ số hiện đang được tích hợp phổ biến trong hoạt động đào tạo BC-TT Việt Nam. Để đáp ứng sự thay đổi nhanh chóng của các kỹ năng báo chí hiện

đại như báo chí dữ liệu, sản xuất nội dung đa nền tảng hay quản trị mạng xã hội, các chứng chỉ này cung cấp một lộ trình học tập linh hoạt cho sinh viên và những người đang làm nghề [6]. Việc đưa các khóa học này vào khung chương trình chính thức giúp đa dạng hóa hình thức tiếp nhận tri thức đồng thời hỗ trợ người học xây dựng một hồ sơ năng lực phù hợp với yêu cầu thực tế từ các cơ quan báo chí và doanh nghiệp truyền thông.

4.2 Những điểm sáng và bước tiến trong đổi mới đào tạo trực tuyến

Một khía cạnh đáng chú ý trong công cuộc đổi mới này là việc cá nhân hóa lộ trình học tập thông qua ứng dụng AI. Các hệ thống học tập hiện nay tích hợp khả năng phân tích hành vi và trình độ của từng sinh viên để đề xuất các học liệu cũng như các bài tập hỗ trợ phù hợp. Sự chuyển dịch từ mô hình đào tạo đại trà sang đào tạo dựa trên năng lực cá nhân giúp tối ưu hóa việc tiếp thu tri thức, nhất là trong các học phần nghiệp vụ yêu cầu sự tích lũy kỹ năng khác biệt. Dựa trên dữ liệu phân tích, giảng viên có thể nhận diện sớm các lỗ hổng kiến thức của sinh viên để can thiệp kịp thời, đảm bảo chuẩn đầu ra đồng bộ trong môi trường học tập số vốn rất nhiều yếu tố khiến người học bị phân tâm.



Bảng 2 Đánh giá của sinh viên về hiệu quả của AI và tòa soạn giả lập ($n = 450$)

| Chỉ số đánh giá | Rất hiệu quả/ Đồng ý (%) | Hiệu quả/ Phân vân (%) | Không hiệu quả/ Không đồng ý (%) |
|--|--------------------------------|------------------------------|--|
| AI đề xuất học liệu cá nhân hóa | 62,4 | 28,7 | 8,9 |
| Khả năng nhận diện lỗi hồng kiến thức từ dữ liệu | 58,9 | 32,1 | 9,0 |
| Hiệu quả của tòa soạn hội tụ mô phỏng | 65,8 | 24,2 | 10,0 |
| Kỹ năng phối hợp nhóm trong môi trường ảo | 71,3 | 20,5 | 8,2 |

Theo số liệu tại Bảng 2, có 62,4 % sinh viên đánh giá các hệ thống AI giúp họ tiếp cận nguồn học liệu phù hợp với trình độ cá nhân thay vì học theo một chương trình chung. Do đặc thù các học phần nghiệp vụ báo chí yêu cầu sự tích lũy kỹ năng khác biệt giữa mỗi cá nhân, việc ứng dụng này giúp tối ưu hóa hiệu quả tiếp thu kiến thức. Bên cạnh đó, 58,9 % người học ghi nhận khả năng nhận diện sớm các lỗi hồng kiến thức từ dữ liệu phân tích, hỗ trợ giảng viên can thiệp kịp thời để đảm bảo chuẩn đầu ra trong môi trường học tập số. Trong hoạt động thực hành, mô hình Tòa soạn hội tụ mô phỏng ghi nhận mức hiệu quả 65,8 %. Việc sử dụng các công cụ quản trị nội dung (CMS) và phần mềm biên tập trực tuyến giúp sinh viên rèn luyện tư duy tác nghiệp đa nền tảng mà không phụ thuộc vào hạ tầng studio vật lý. Đáng chú ý, chỉ số về kỹ năng phối hợp nhóm trực tuyến đạt 71,3 % mức độ đồng ý. Kết quả này cho thấy, đào tạo trực tuyến không làm giảm sự tương tác mà trái lại đang hình thành các năng lực cần thiết như kỹ năng phối hợp từ xa và làm chủ công nghệ. Ngoài ra, sự tham gia thỉnh giảng của chuyên gia qua nền tảng số cũng nhận được phản hồi tích cực, giúp bài giảng cập nhật sát với thực tế tác nghiệp tại các tòa soạn hiện nay.

Bên cạnh đó, việc xây dựng các tòa soạn hội tụ mô phỏng trên nền tảng điện toán đám mây là sự thay đổi quan trọng về phương thức thực hành nghiệp vụ. Thay vì phụ thuộc vào các studio vật lý, sinh viên có thể thực hiện quy trình sản xuất tin, bài đa phương tiện theo nhóm trong môi trường trực tuyến. Việc sử dụng các công cụ quản trị nội dung, phần mềm biên tập trực tuyến và hệ thống giao tiếp nhóm giúp mô phỏng quy trình vận hành của các tòa soạn lớn. Điều này giúp sinh viên làm chủ công nghệ đồng thời rèn luyện tư duy tác nghiệp đa nền tảng và kỹ năng phối hợp từ xa.

Ngoài ra, đào tạo trực tuyến cũng phá bỏ những rào cản địa lý, cho phép các cơ sở đào tạo kết nối với chuyên gia, nhà báo quốc tế tham gia thỉnh giảng. Sự kết hợp giữa lý thuyết học thuật và kinh nghiệm thực tiễn từ các tòa soạn hiện đại giúp bài giảng đảm bảo tính thực tiễn và cập nhật các xu hướng truyền thông hiện đại.

4.3 Thảo luận về các rào cản và thách thức trong quá trình chuyển đổi

Dù đạt được những kết quả ban đầu, quá trình đổi mới đào tạo báo chí trực tuyến tại Việt Nam vẫn đối mặt với các khó khăn về hạ tầng và an ninh mạng. Việc duy trì môi trường giáo dục trực tuyến ổn định đòi hỏi sự đầu tư về băng thông, máy chủ và các giải pháp bảo mật dữ liệu. Những sự cố đường truyền hoặc thiếu sót trong bảo mật không chỉ làm gián đoạn giảng dạy mà còn gây ra những rủi ro về thông tin cá nhân và bản quyền học thuật. Đặc biệt, sự thiếu hụt học liệu số tương tác cao thay vì chỉ là các bài giảng định dạng PDF là nguyên nhân chính làm giảm tính hiệu quả của đào tạo trực tuyến so với trực tiếp.

Thách thức nằm ở yếu tố con người, cụ thể là năng lực số của đội ngũ giảng viên và người học. Một bộ phận giảng viên lâu năm gặp khó khăn trong việc làm chủ các phương pháp sư phạm số và công cụ mới, dẫn đến tình trạng áp dụng máy móc các phương pháp dạy học truyền thống vào không gian mạng. Ngược lại, khả năng tự quản lý học tập và tư duy phản biện trực tuyến của sinh viên vẫn còn là một hạn chế lớn. Ngoài ra, việc đào tạo trên không gian này nảy sinh những vấn đề phức tạp về đạo đức nghề nghiệp và bản quyền. Việc kiểm soát đạo văn, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm báo chí của sinh viên, cũng như việc duy trì các giá trị đạo đức báo chí trong môi trường số là bài toán cần được giải quyết. Những phân

tích trên cho thấy, chuyển đổi số không chỉ sự thay đổi về công nghệ mà là quá trình chuyển dịch về tư duy, đòi hỏi sự điều chỉnh từ cấu trúc quản trị, phương pháp sư phạm cho đến nhận thức của từng cá nhân.

5 Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng định lượng cho thấy sự dịch chuyển mạnh mẽ sang hệ sinh thái giáo dục số với 78,2 % sinh viên sử dụng thường xuyên hệ thống LMS. Đặc biệt, hiệu quả của các mô hình hiện đại như tòa soạn hội tụ mô phỏng (65,8 %) và khả năng cá nhân hóa học tập nhờ AI (62,4 %) đã khẳng định vai trò then chốt của công nghệ trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Kết quả này cho thấy, việc chuẩn hóa quy trình số không chỉ là xu hướng mà là yêu cầu thực tiễn để sinh viên làm chủ năng lực phối hợp nhóm trong môi trường ảo (đạt mức đồng ý 71,3 %). Việc thay đổi hình thức đào tạo BC-TT trực tuyến tại Việt Nam không chỉ là sự điều chỉnh về công nghệ mà còn là sự cấu trúc lại phương thức quản trị tri thức. Việc chuyển dịch sang các mô hình đào tạo tích hợp là hướng đi cần thiết để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu thị trường truyền thông hiện nay. Trong bối cảnh tòa soạn hội tụ,

giáo dục báo chí cần gắn liền với thực tế số hóa để trang bị cho sinh viên kỹ năng tác nghiệp và tư duy thích ứng [1, 8].

Để duy trì tiến trình này cần có hệ thống giải pháp mang tính đồng bộ giữa các bên. Trước hết, cơ quan quản lý nhà nước cần hoàn thiện hành lang pháp lý và bộ tiêu chí kiểm định chất lượng riêng cho đào tạo trực tuyến khối ngành BC-TT. Việc công nhận các chứng chỉ số và chuẩn hóa quy trình đánh giá đào tạo từ xa sẽ tạo động lực cho các trường đầu tư và đổi mới. Đối với các cơ sở đào tạo, trọng tâm là xây dựng môi trường giáo dục số và nâng cao năng lực sư phạm số cho đội ngũ giảng viên thông qua việc hợp tác với các cơ quan báo chí để triển khai mô hình tòa soạn ảo. Cuối cùng, sự thay đổi này phụ thuộc vào nhận thức của người học trong việc chủ động rèn luyện kỹ năng tự học và tư duy phản biện trên không gian mạng. Mặc dù đã đạt được những mục tiêu đề ra, nghiên cứu vẫn tồn tại những hạn chế về phạm vi khảo sát và chưa đi sâu phân tích sự khác biệt vùng miền trong tiếp cận giáo dục số. Đây là cơ sở để các nghiên cứu tiếp theo mở rộng tìm hiểu về tác động của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI) đối với quy trình sản xuất báo chí và phương pháp giảng dạy trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thành Lợi. (2014). *Tác nghiệp báo chí trong môi trường truyền thông hiện đại*. Hà Nội: NXB Thông tin và Truyền thông.
2. Jenkins, H. (2006). *Convergence Culture: Where Old and New Media Collide*. New York University Press.
3. Nguyễn Tri Thức. (2021). Chuyển đổi số trong báo chí xu thế tất yếu đan cài cơ hội và thách thức. *Tạp chí Thông tin và Truyền thông*, (6), 90-93.
4. Lê Trung Nghĩa. (2020). Tài nguyên Giáo dục mở: Một phần của chuyển đổi số trong giáo dục. *Tạp chí Tia sáng*, (11), 8-11.
5. Nguyễn Thị Trường Giang. (2018). *Báo chí và truyền thông đa phương tiện*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Đặng Thị Thu Hằng. (2022). Đào tạo báo chí trong bối cảnh mới. *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông* (1), 12-15.

7. Trần Quang Diệu. (2025). Chuyên đổi số trong giáo dục đại học tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên phát triển mới. *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (số 568).
8. Bùi Chí Trung, Phan Văn Kiên, Nguyễn Bá. (2022). *Chuyển đổi số báo chí - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Chính trị quốc gia Sự thật

Digital Transformation in Higher Education: Practices and Solutions for Innovating Online Journalism and Communication Training in Viet Nam

Vu Thi Viet Nga

Faculty of Foreign Languages, Nguyen Tat Thanh University, Ho Chi Minh City, Viet Nam

vtvnga@ntt.edu.vn

Abstract This study examined the current status and proposed innovative solutions for online training in journalism and communication within the context of digital transformation in Viet Nam. The research identified an inevitable shift from traditional educational models to a digital education ecosystem, emphasizing the pivotal roles of blended learning and personalized learning pathways powered by Artificial Intelligence (AI). Key highlights included the standardization of procedures through professional Learning Management Systems (LMS) and the application of cloud-based simulated converged newsrooms. However, the process encountered significant "bottlenecks" regarding technological infrastructure, cybersecurity, and particularly the digital literacy of both faculty and students. Finally, the study recommended a synchronized system of solutions, including the refinement of legal frameworks, the enhancement of digital competencies, and the strengthening of partnerships between academic institutions and media agencies. This transition represented not a technological adaptation and fundamental revolution in mindset to develop a high-quality workforce for the Industry 4.0 era.

Keywords Digital transformation; online training; journalism and communication; blended learning; covered newsroom.

